

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **82/2019/DS-ST**

Ngày: 21-3-2019

V/v tranh chấp “*Hợp đồng  
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Triết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2018/TLST-DS ngày 11/12/2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Thị Kim P, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Số 121/3, ấp TT, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt có đơn)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1982.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Huỳnh Hiếu E, sinh năm 1970.

Cùng nơi cư trú: Số 209/4, ấp TT, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Bà N, ông Hiếu E cùng vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/10/2018, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 14/3/2019, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Kim P trình bày:***

Bà có thực hiện cho bà Nguyễn Thị N vay tiền như sau: Vào ngày 25/6/2017 bà N vay 10.000.000 (Mười triệu) đồng, ngày 25/7/2017 bà N vay 10.000.000 (Mười triệu) đồng và ngày 25/12/2017 bà N vay 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng.

Tổng cộng 03 lần vay bà N nợ của bà tổng cộng 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu) đồng và bà N đều có viết biên nhận nợ với bà và ông Huỳnh Hiếu E (chồng bà N) đã biết việc này. Bà N và ông Huỳnh Hiếu E hứa 05 tháng sau là ngày 25/5/2018 sẽ trả

cho bà toàn bộ số tiền này nhưng đến nay chưa trả. Số tiền bà N, ông Hiếu E vay của bà sử dụng vào mục đích kinh tế chung cho gia đình là nuôi tôm công nghiệp.

Bà P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Hiếu E có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng. Bà yêu cầu trả một lần, không đồng ý cho trả dần và không yêu cầu tính lãi.

***Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hiếu E vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 12/12/2018, trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Bà thừa nhận hiện nay bà và ông Huỳnh Hiếu E (chồng bà) còn nợ bà Phan Thị Kim P số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng. Bà và ông Hiếu E đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền này nhưng hiện nay chưa có khả năng trả do bà kêu bán đất mà chưa có người mua với giá không phù hợp, khi nào bà bán được đất thì sẽ trả tiền ngay cho bà P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Phan Thị Kim P tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị N theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Hiếu E đã được Tòa án nhân dân huyện P triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, còn bà Phan Thị Kim P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Phan Thị Kim P với bị đơn bà Nguyễn Thị N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị N đã thừa nhận bà N và ông Hiếu E còn nợ của bà Phan Thị Kim P số tiền gốc 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng nhưng chưa có khả năng trả, lý do là chưa chuyển nhượng được đất để có tiền trả cho bà P.

[5] Xét việc bà N đã thừa nhận nợ với bà P nhưng bà N cho rằng chưa có khả năng trả mà không có chứng cứ để chứng minh và yêu cầu của bà N không được bà P đồng ý nên việc bà P yêu cầu bà N và ông Hiếu E có nghĩa vụ liên đới trả 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại cá Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Hiếu E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P

số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng. Bà P không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị Kim P được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Hiếu E phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí bà N, ông Hiếu E phải liên đới nộp (36.000.000đồng x 5%) là: 1.800.000 (Một triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim P. Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Hiếu E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Kim P số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Hiếu E phải liên đới nộp số tiền 1.800.000 (Một triệu, tám trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Hồ Thị Triết**